

ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VỤ MÙA 1995 Ở MIỀN BẮC

KS. Nguyễn Thị Hồng Minh
Trung tâm nghiên cứu khí tượng nông nghiệp
Viện Khí tượng-Thủy văn

Vụ mùa 1995 ở Miền Bắc nhìn chung điều kiện khí tượng nông nghiệp thuận lợi cho sản xuất. Cây trồng trong suốt quá trình sinh trưởng và phát triển ít gặp những điều kiện bất lợi về mặt thời tiết như nhiều vụ mùa khác. Theo sơ bộ đánh giá của cơ quan nông nghiệp, đây là vụ mùa thắng lợi lớn trên cả ba mặt: diện tích, năng suất và sản lượng. Năng suất lúa bình quân các tỉnh (đặc biệt là các tỉnh đồng bằng) cao nhất trong các vụ mùa từ trước tới nay.

I. TÓM TẮT TÌNH HÌNH THỜI TIẾT TRONG VỤ

1. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Không khí lạnh

Cả vụ có năm đợt không khí lạnh nhẹ ảnh hưởng đến thời tiết Miền Bắc vào thời kỳ đầu và cuối vụ.

b) Bão

Có 2 cơn bão : Số 5 (LOIS 9509) ngày 26/VIII và số 9 (TED 9516) ngày 12/X ảnh hưởng đến thời tiết của một vài tỉnh Miền Bắc. Nhất là bão số 5 gây mưa to, gió lớn, làm thiệt hại nhà cửa, hoa màu, trong đó có một số diện tích lúa bị ngập, hại ở các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An.

c) Nắng nóng

Trong cả vụ có xảy ra một số ngày nắng nóng ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Nhiệt độ cao nhất trong đợt nắng nóng này đạt tới 37 đến 39°C.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các tháng trong vụ nhiệt độ xấp xỉ và cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN). Riêng tháng VIII nhiệt độ không khí các tỉnh đều thấp hơn TBNN.

Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối vụ là 39,7°C xảy ra ngày 25/VI tại Cửa Rào và ngày 22/VII tại Đô Lương (Nghệ An).

Nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối là 10,6°C, xảy ra ngày 26/X tại Sa Pa (Lào Cai).

Tổng tích nhiệt cả vụ từ 4051 đến 4280 độ C, cao hơn TBNN từ 18 đến 64°C, cao hơn vụ trước từ 79 đến 155°C. Riêng vùng núi, tổng tích nhiệt vụ thấp hơn TBNN 107°C và thấp hơn vụ trước 60°C (bảng 1).

Bảng 1. Các yếu tố KTTV trong vụ mùa 1995

Trạm Yếu tố	Tổng tích nhiệt			Tổng lượng mưa			Tổng số giờ nắng		
	Σt ($^{\circ}$ C)	So với TBNN	So với vụ trước	ΣR (mm)	So với TBNN	So với vụ trước	ΣS (giờ)	So với TBNN	So với vụ trước
Tuyên Quang	4051	- 107	- 60	1651	+159	- 4	797	- 118	+35
Bắc Giang	4280	+ 64	+120	1406	+267	+183	911	- 59	+223
Hải Dương	4259	+ 30	+105	842	- 231	- 578	820	- 103	+46
Nam Định	4280	+ 18	+120	892	- 398	- 749	763	- 172	+68
Thanh Hóa	4262	+ 70	+155	1075	- 261	- 626	844	- 64	+110
Vinh	4271	+ 27	+ 79	1316	- 28	+ 94	876	+ 31	+121

3. Tình hình mưa

Ở các tỉnh miền núi và trung du tổng lượng mưa 1406-1651 mm, lớn hơn TBNN từ 159 đến 267 mm và tập trung vào nửa đầu của vụ (có nơi như Sa Pa tháng VIII có tới 30 ngày mưa), nửa cuối vụ lượng mưa thấp hơn TBNN.

Các tỉnh đồng bằng và Bắc Trung Bộ lượng mưa vụ từ 842 đến 1316 mm, thấp hơn TBNN từ 28 đến 398 mm. Tỉnh Nghệ An do ảnh hưởng bão số 5 và không khí lạnh lục địa phía bắc, gió mùa tây nam nên lượng mưa hai tháng VIII và IX đều cao hơn TBNN (bảng 2).

Bảng 2. Chuẩn sai một số yếu tố khí tượng tháng

Tháng Yếu tố	VI			VII			VIII			IX			X		
	ΔT	ΔR	ΔS	ΔT	ΔR	ΔS	ΔT	ΔR	ΔS	ΔT	ΔR	ΔS	ΔT	ΔR	ΔS
Trạm															
Thái Nguyên	+1,6	+35	-14	-0,2	+134	-49	-0,4	+243	-64	+0,6	-175	-8	+1,8	-78	+16
Phú Thọ	+0,7	+48	-8	+0,1	-8	X	-0,3	-113	-64	+0,2	-68	-3	+1,5	-130	+11
Thái Bình	+0,1	-78	-21	-0,2	+16	-43	-0,5	+3	53	-0,2	-140	-6	+0,7	-165	+3
Nam Định	+0,3	-40	-34	0,0	+24	-59	-0,4	-15	-50	-0,1	-276	-5	+0,8	-92	+24
Thanh Hóa	+0,5	+19	+4	+0,2	-17	-15	-0,2	+107	-22	+0,6	-185	-3	+1,2	-77	-28
Vinh	+1,2	-11	+31	+0,3	-43	+27	-1,1	+108	-5	-0,2	+65	-14	+0,7	-149	-9

ΔT: Chuẩn sai (Chênh lệch so với TBNN) nhiệt độ không khí

ΔR: Chuẩn sai lượng mưa

ΔS: Chuẩn sai số giờ nắng

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi số giờ nắng thấp hơn TBNN, nhưng cao hơn vụ mùa năm trước. Cả vụ có từ 763 đến 911 giờ nắng, mỗi ngày trung bình có 5-6 giờ nắng.

II. ẢNH HƯỚNG CỦA ĐIỀU KIỆN THỜI TIẾT ĐỐI VỚI CÂY LÚA

1. Thời kỳ mạ

Hầu hết các tỉnh Miền Bắc mạ mùa được gieo vào tháng VI. Thời tiết trong tháng ấm áp, thuận lợi cho việc cày ngẩy, làm đất gieo mạ. Các tỉnh miền núi, trung du và Bắc Trung Bộ lượng mưa khá, đủ nước cho việc gieo mạ. Các tỉnh đồng bằng lượng mưa tuy ít hơn, nhưng nhờ sự chủ động trong việc tưới nước nên việc gieo mạ cũng không gặp khó khăn. Nhiệt độ không khí trung bình trong thời kỳ này từ 22,9 đến 30,4 $^{\circ}$ C, trung bình mỗi ngày có 4 đến 7 giờ nắng, không gặp thiên tai do thời tiết nên mạ gieo xuống sau 4-5 ngày đã mọc mầm phổ biến, so với vụ mùa trước nhanh hơn 1-2 ngày. Mạ phát triển

khá, tỷ lệ mọc mầm cao, đều, bần lá rộng và đanh dảnh. Một số nơi như Hà Bắc, Hải Hưng, Hà Nội, Quảng Ninh, sâu bệnh hại như sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ phấn, bọ trĩ xuất hiện cục bộ nhưng hại ở mức độ nhẹ, không đáng kể.

2. Thời kỳ phát triển dinh dưỡng

Ở các tỉnh, lúa mùa sớm cấy vào cuối tháng VI, lúa chính vụ cấy trong tháng VII, thời kỳ này điều kiện thời tiết thuận lợi: nền nhiệt độ từ 26-30°C, xấp xỉ nhiệt độ TBNN, lượng mưa tháng đạt từ 201 mm- 526 mm, số ngày mưa khá, (Thái Nguyên lượng mưa tháng lớn nhất 526 mm, cao hơn TBNN 134 mm, lượng mưa ngày cao nhất đạt tới 139 mm/ngày).

Riêng Bắc Trung Bộ thời kỳ này lượng mưa thấp hơn TBNN, nhưng nhìn chung ruộng đủ nước, thuận lợi cho việc cấy lúa. Hầu hết các tỉnh lúa cấy xuống sau 4-6 ngày đã bén rẽ hồi xanh, nhanh hơn vụ trước 1-2 ngày. Nhờ thời tiết thuận lợi, mạ đủ cấy nên tốc độ gieo cấy nhanh hơn vụ trước. Theo thống kê sơ bộ của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đến giữa tháng VIII về cơ bản đã cấy xong diện tích.

Một vài tỉnh vùng núi và trung du phía bắc thời tiết thời kỳ cấy không thuận lợi bằng các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ do trong tháng VII mưa nhiều làm một số diện tích trũng bị ngập úng, trong đó, 1/2 diện tích phải gieo cấy lại. Các chân ruộng không bị ngập úng lúa phát triển khá, thân cây mập, bần lá rộng, xanh tươi. Cuối tháng VII đầu tháng VIII ở hầu hết các tỉnh, lúa đẻ nhánh phổ biến, tỉ lệ đẻ nhánh cao. Trong tháng VIII lúa mọc đóng phổ biến, các trà sớm đã bắt đầu trổ. Thời tiết tương đối thuận lợi cho lúa sinh trưởng và phát triển. Nhiệt độ từ 25-28°C, lượng mưa phân bố không đều: ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ lượng mưa xấp xỉ và thấp hơn TBNN chút ít, các tỉnh miền núi, đặc biệt là Thái Nguyên, mưa nhiều, lượng mưa tháng đạt tới 633 mm, cao hơn TBNN 243 mm. Khu Bốn cũ và Nghệ An do ảnh hưởng của bão số 5, trên 10000 ha lúa bị ngập úng, song các địa phương đã tích cực chủ động trong việc tiêu nước, đồng thời dặm lại trên diện tích bị hại để đảm bảo diện tích lúa cấy.

Ở thời kỳ này cũng xuất hiện một số sâu bệnh hại như sâu đục thân, rầy nâu trên một số chân ruộng trồng giống lúa Trung Quốc. Bệnh bạc lá, khô vằn... cũng xuất hiện cục bộ ở một số địa phương, tuy nhiên mức độ hại nhẹ hơn vụ trước.

3. Thời kỳ phát triển sinh thực

Đây là thời kỳ phát triển quan trọng của cây lúa, mọi sự biến động của thời tiết đều ảnh hưởng tới sự hình thành năng suất lúa. Các trà lúa gieo sớm bắt đầu trổ vào tháng IX, trà chính vụ trổ bông phổ biến vào giữa và cuối tháng IX. Trong suốt thời kỳ lúa trổ, nền nhiệt độ từ 25 -28°C, mỗi ngày có từ 4-6 giờ nắng, lúa sinh trưởng và phát triển khá, (thoát đồng nhanh). Tuy lượng mưa và số giờ nắng trong tháng IX thấp hơn TBNN (bảng 2) nhưng nhiệt độ thì luôn lớn hơn 25°C, số ngày mưa rải rác đều trong tháng và

không gặp gió tây khô nóng cũng như các thiên tai bất thường khác như bão lụt, sâu bệnh ít nên lúa trổ thuận lợi. Một số nơi gieo muộn, khi lúa trổ gặp thời tiết hanh khô, lượng mưa ít nên lúa trổ không thuận lợi bằng các trà sớm và chính vụ. Cuối tháng IX lúa chính vụ ở một số nơi đã phơi màu. Đầu tháng X lúa mùa sớm bắt đầu thu hoạch, thời tiết nắng ấm khô hanh là điều kiện rất thuận lợi cho quá trình làm hạt của lúa. Đến đầu tháng XI các địa phương Miền Bắc đã thu hoạch trên 70% diện tích, trong đó các tỉnh đồng bằng sông Hồng thu hoạch xấp xỉ 90%, so với cùng kỳ vụ trước vượt 17%. Lúa thu hoạch vào thời kỳ mưa ít, nắng khá không gặp mưa bão nên tỷ lệ rơ vãi ít, khâu vận chuyển thuận lợi.

III. TÌNH HÌNH NĂNG SUẤT LÚA

Theo đánh giá bước đầu của các Sở Nông nghiệp, năng suất lúa vụ mùa năm 1995 ở các tỉnh Miền Bắc đều cao hơn vụ mùa năm trước và cao hơn vụ mùa năm 1993 (Năm 1993 là năm có năng suất lúa mùa cao nhất). Nơi có năng suất lúa cao nhất là tỉnh Thái Bình, xấp xỉ 56 tạ/ha, cao hơn vụ trước 13,8 tạ/ha. Tỉnh có tốc độ tăng trưởng năng suất lớn nhất so với vụ mùa năm trước là Nam Hà: 183,6% (bảng 3).

Bảng 3. Năng suất vụ mùa năm 1995 (Tạ/ha)

Tỉnh	Yếu tố	Năng suất vụ 1995	Chênh lệch so với vụ 1993	Chênh lệch so với vụ 1994	Tốc độ tăng trưởng so với vụ 1994 (%)
Hà Nội		37,74	+3,64	+14,64	163,3
Hà Tây		44,05	+3,05	+16,05	157,3
Thái Bình		55,76	+0,0	+13,76	132,8
Hải Phòng		49,45	+11,45	+14,45	141,3
Ninh Bình		40,80	+3,80	+15,80	163,2
Nam Hà		45,90	+1,90	+20,90	183,6
Thanh Hóa		31,80	-1,2	+7,80	132,5
Nghệ An		21,10	+5,10	+4,10	124,1

IV. KẾT LUẬN

Nếu so với vụ mùa năm 1993 Miền Bắc sản xuất lúa gặp khó khăn nổi bật là thiếu lượng nước tự nhiên, vụ mùa 1994 ngập úng nặng do mưa bão vào thời kỳ lúa đang phát triển dinh dưỡng và gió mùa đông bắc sớm gây mưa lớn vào thời kỳ trổ chín thì vụ năm 1995 sản xuất nông nghiệp thuận lợi hơn nhiều. Lúa bị ngập úng do mưa bão chỉ xảy ra với một diện tích không lớn ở một vài tỉnh miền núi và Thanh Hóa, Nghệ An. Nhìn chung cả vụ, thời tiết thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng, phát triển và hình thành năng suất lúa, đặc biệt là các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Mặt khác, nhờ sự chỉ đạo sát sao của các cơ quan nông nghiệp trong việc phòng trừ sâu bệnh, tiêu nước chống úng kịp thời, nhờ động lực kinh tế hộ gia đình theo cơ chế khoán đã tạo nên vụ lúa bội thu và là một vụ lúa mùa có năng suất cao nhất từ trước tới nay ở hầu hết các tỉnh Miền Bắc./.